

Chứng khoán Việt Nam

Thông tin thị trường chuyên sâu

Báo cáo ngày

Xu hướng thị trường:

"Nhóm hóa chất dẫn dắt đà tăng"

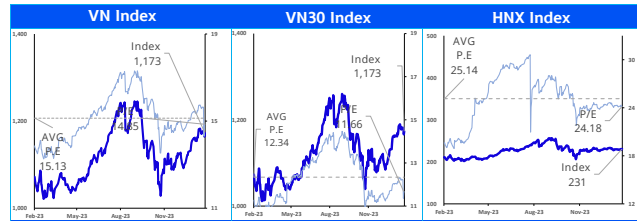
▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Năm, thanh khoản suy giảm. Dòng tiền đã chảy vào nhóm sản xuất nhựa – hóa chất và bán lẻ để tiếp tục kéo thị trường.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 8.71 điểm, tương ứng với 0.75%, đạt 1,173.02 điểm; HNX-Index tăng 1.39 điểm (0.61%), đạt 230.57 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 15.3 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 670.2 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại mua ròng 61.3 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở PNJ và HPG.

▶ VCB (+1.47%), GVR (+6.92%), FPT (+4.39%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, BID (-0.94%), VPB (-1.29%), TCB (-1.16%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Sản xuất nhựa – Hóa chất và Bán lẻ là 2 nhóm ngành tăng ấn tượng trong phiên hôm nay với các mã tiêu biểu như: GVR và MWG.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Thị trường có phiên phục hồi tốt sau phiên giảm mạnh hôm qua ngay tại vùng EMA 20 – tương ứng 1,160. Chỉ báo STOCH RSI trong xu hướng cất lên đường tín hiệu thể hiện vùng hỗ trợ 1,160 đang dần thể hiện sự vững chắc. Với xu hướng và tâm lý tích cực từ dòng tiền, kì vọng VNINDEX khả năng cao sẽ chinh phục vùng 1,120. Hỗ trợ và kháng cự tương ứng là 1,160 và 1,220.



Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Index	Giá	%ID	%1M	%1Yr.	PER	PBR	Vốn hóa
VN-Index	1,173	0.7	3.8	9.0	14.9	1.7	4,715,039
VN30 Index	1,173	0.6	3.7	7.8	11.7	1.5	3,322,274
VN Midcap	1,766	0.7	2.1	29.7	15.6	1.6	876,749
VN Smallcap	1,392	0.9	1.5	22.8	22.1	1.1	247,524
HNX Index	231	0.6	-0.2	6.7	24.2	1.2	288,850
UpCom	88	0.4	1.1	17.5	13.4	1.8	1,128,728

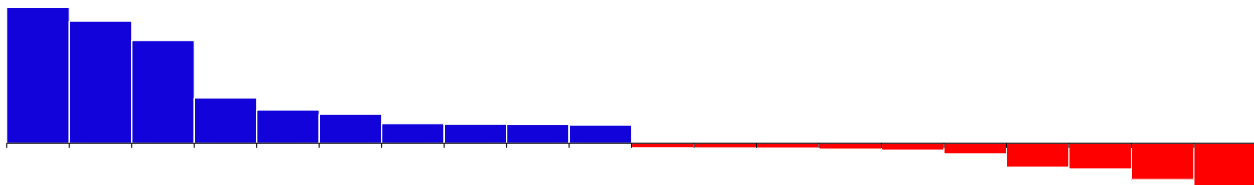
Nhóm ngành

Nhóm ngành	%ID	%1M	%YTD	%1 YR.	PER	PBR	Vốn hóa
Bán lẻ	2.4	7.5	7.5	1.1	200.9	3.0	100,025
Bảo hiểm	1.3	3.6	3.6	-12.9	15.6	1.5	42,230
Bất động sản	0.3	-2.5	-2.5	-6.4	14.4	1.3	723,652
CNTT	4.3	3.2	3.2	38.4	19.8	4.0	141,727
Dầu khí	0.0	-0.5	42.7	4.0	21.1	2.4	59,277
Dịch vụ tài chính	0.6	6.1	6.1	82.2	21.3	1.8	192,268
Tiền ích	1.6	0.2	0.2	-7.0	15.2	1.9	300,419
Du lịch và Giải trí	0.6	-1.2	-1.2	-7.4	n.a	21.8	95,554
Hàng & DV CN	0.8	0.9	0.9	19.6	12.9	1.6	131,758
Hàng CN & Gia dụng	0.2	6.7	6.7	7.6	14.7	1.8	55,739
Hóa chất	4.3	6.7	6.7	35.7	18.2	1.7	189,958
Ngân hàng	0.2	9.0	9.0	20.4	9.3	1.6	1,917,986
Ô tô và phụ tùng	0.7	5.2	5.2	11.1	18.6	1.3	15,374
Tài nguyên Cơ bản	0.3	-0.2	-0.2	31.0	35.4	1.4	214,246
Th.phẩm & Đồ uống	3.5	0.0	0.0	-16.9	23.1	2.6	422,639
Truyền thông	2.0	-10.8	-10.8	85.8	29.8	1.4	1,909
Xây dựng và Vật liệu	1.5	3.0	3.0	33.2	25.2	1.5	129,418
Y tế	0.0	0.4	0.4	9.0	13.8	2.0	34,770

Tiền tệ và hàng hóa

	Tỷ giá	%ID	%1W	%1M	%3M	%YTD	%1Yr.
Dollar index	104	0.4	0.1	2.4	-3.0	2.4	2.5
USD/JPY	147	-0.1	-0.6	4.2	-2.8	4.0	13.8
USD/CNY	7	0.2	0.1	1.2	-1.8	1.2	6.5
KRW/USD	1,332	-0.2	-0.3	3.4	-1.9	3.4	8.1
EUR/USD	1	0.2	0.5	2.3	-2.1	2.3	1.8
USD/VND	24,418	0.0	-0.8	0.6	-0.7	0.6	4.1
Dầu Thổ	76	0.8	-1.2	6.7	-5.0	6.7	0.0
Xăng	237	6.3	4.7	12.8	8.5	12.8	-3.4
Khí đốt	2	2.4	-16.4	-14.5	-38.5	-14.5	-12.9
Than	117	-2.6	-8.4	-20.4	-3.8	-20.4	-53.7
Vàng	2,042	0.1	1.0	-1.0	3.0	-1.0	4.7
Thép cuộn	4,055	-0.2	-0.9	-0.6	5.0	-0.6	-4.5

Đóng góp vào VN Index



VCB (1.47%)	GVR (6.92%)	FPT (4.39%)	CTG (1.42%)	MWG (2.67%)	SAB (2.13%)	VNM (0.75%)	VGC (4.21%)	MSN (1.09%)	ACB (0.97%)	REE (-1.07%)	VIB (-0.48%)	EIB (-0.80%)	KDH (-1.29%)	SSB (-0.66%)	VIC (-0.35%)	VHM (-0.72%)	TCB (-1.16%)	VPB (-1.29%)	BID (-0.94%)
-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------

[Analyst]
Trang Vo
☎ (84-28) 6299 - 7751
✉ trang.vo@shinhan.com

[Analyst]
Phuong Nguyen
☎ (84-28) 6299 - 9004
✉ phuong.nd@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất



Quét mã QR hoặc click để theo dõi

Điểm tin thị trường

Tin tức nổi bật

1) MBB - Ngân hàng: Năm 2023, ngân hàng TMCP Quân đội ghi nhận thu nhập lãi thuần đạt 38,683 tỷ đồng (+7% YoY); LNTT đạt 26,306.1 tỷ đồng (+16% YoY nhờ giảm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng), hoàn thành mục tiêu đề ra. ROA và ROE lần lượt đạt ~2.5% và 25%; Tỷ lệ CASA đạt 40.1%.

2) CRE - Bất động sản: Q4.2023, CTCP Bất động sản Thế Kỷ (Cen Land, HOSE: CRE) ghi nhận 330 tỷ đồng (+107% YoY); ghi nhận lãi ròng 1.2 tỷ (so với mức lỗ 62.6 tỷ đồng trong Q4.2022). Kết quả này dù chưa thể so với những năm trước nhưng cũng cho thấy sự cải thiện của thị trường bất động sản.

3) VNM - Thực phẩm và đồ uống: Q4.2023, Vinamilk ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 15,619 tỷ đồng (+3.7% YoY), trong đó doanh thu xuất khẩu đạt 1,298 tỷ đồng (+19% YoY). LNST 2,351 tỷ đồng (+26% YoY). Năm 2023, doanh thu Vinamilk tăng trưởng nhẹ gần 1%, đạt 60,369 tỷ đồng.

4) CTD - Xây dựng và Vật liệu: Coteccons ghi nhận doanh thu 5,660 tỷ đồng (-9% YoY) Q2.2024, gần như toàn bộ đến từ doanh thu hợp đồng xây dựng. Lãi ròng đạt hơn 69 tỷ đồng (gấp 3.6x YoY). Đây là quý thứ 2 CTD áp dụng thay đổi niên độ tài chính (FY2024 sẽ tính từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2024).

5) STB - Ngân hàng: Năm 2023, ngân hàng Sacombank (HSX: STB) ghi nhận thu nhập lãi thuần đạt 22,072 tỷ đồng (+29% YoY), LNTT đạt 9,595 tỷ đồng (+51% YoY nhờ giảm trích lập dự phòng rủi ro). Đáng chú ý, trong năm 2023, tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ vay của STB tăng từ mức 0.98% lên 2.28%.

6) HDB - Ngân hàng: Trong năm 2023, HDBank ghi nhận tăng trưởng cao ở toàn bộ các chỉ tiêu, nợ xấu trong nhóm thấp nhất ngành. Ở quý 4, HDB ghi nhận LNTT đạt 13,017 tỷ đồng (+27% YoY). Nợ xấu riêng lẻ chỉ 1.5%, các chỉ tiêu chất lượng tăng trưởng trong nhóm dẫn đầu.

7) LPBank - Ngân hàng: Năm 2023, LPBank vượt 17% lợi nhuận mục tiêu đề ra, với mức tăng trưởng tín dụng đạt 16.83%, huy động tăng 13.7%. LNTT đạt 7,039 tỷ đồng, nợ xấu giảm về mức 1.34%, lọt top các ngân hàng có nợ xấu thấp nhất toàn ngành.

8) DGW - Bán lẻ: Quý 4/2023, CTCP Thế Giới Số (Digiworld, HOSE: DGW) ghi nhận lãi ròng giảm 42% YoY, do chịu nhiều áp lực bởi chi phí SG&A tăng mạnh. Tuy nhiên, tổng tài sản lại lần đầu vượt 7,500 tỷ đồng.

Cổ phiếu nổi bật trong ngày

Ngân hàng TMCP Phương Đông - OCB

OCB - Ngân hàng: Tăng vốn điều lệ lên 20,548 tỷ, LNTT tăng 19% YoY, liên tục ra mắt hàng loạt gói tín dụng ưu đãi với mức lãi suất hấp dẫn dành cho khách hàng... là những điểm sáng trong bức tranh kinh doanh của ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) năm 2023.



Xu hướng dòng tiền

Luận chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)								
STT	Nhóm ngành	% Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần			1/31/2024	2/1/2024	TB 1 tuần	Xu hướng 20 phiên
1	Công nghệ Thông tin		191.9		203	904	310	
2	Truyền thông		59.8		8	13	8	
3	Bảo hiểm		37.0		30	27	20	
4	Bán lẻ		34.3		579	664	494	
5	Y tế		13.3		17	20	17	
6	Hóa chất		6.5		643	641	602	
7	Ô tô và phụ tùng		5.0		128	124	118	
8	Bất động sản		3.6		3,583	2,760	2,664	
9	Hàng cá nhân & Gia dụng		0.4		317	210	209	
10	Du lịch và Giải trí				105	85	85	
11	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.8			843	551	564	
12	Thực phẩm và đồ uống	-2.3			1,367	993	1,024	
13	Xây dựng và Vật liệu	-7.1			1,485	1,019	1,096	
14	Ngân hàng	-21.8			5,613	2,351	3,005	
15	Dầu khí	-24.3			126	76	100	
16	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-24.4			156	112	149	
17	Dịch vụ tài chính	-25.8			4,214	1,502	2,023	

Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần										
Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Thống kê giao dịch			Xu hướng
				%1D	%1W	%YTD	% Thay đổi GTGD	GTGD (VND tỷ)		
FPT	FPT Corp	Công nghệ Thông tin	99,900	4.4	5.0	4.0	637	769.3		
MWG	Thế giới di động	Bán lẻ	46,200	2.7	2.2	7.9	91	522.2		
VHM	Vinhomes	Bất động sản	41,200	-0.7	-2.1	-4.6	83	292.9		
KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	Bất động sản	31,350	3.6	3.5	-1.3	81	289.3		
TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	Bất động sản	13,650	3.4	7.1	3.4	152	196.5		
DIG	DIC Corp	Bất động sản	27,400	1.1	2.0	2.4	29	443.2		
DBC	Tập đoàn DABACO	Thực phẩm và đồ uống	27,000	2.5	6.1	-1.5	52	237.8		
TCB	Techcombank	Ngân hàng	34,150	-1.2	-2.4	7.4	58	212.7		
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Hóa chất	23,950	6.9	14.6	13.0	116	139.6		
VSC	VICONSHIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21,700	5.9	8.5	10.6	145	117.8		
VGC	Tổng Công ty Viglacera	Xây dựng và Vật liệu	54,500	4.2	8.1	-0.7	229	97.6		
PAN	Tập đoàn PAN	Thực phẩm và đồ uống	22,600	6.9	11.9	11.9	142	113.5		
HHS	Đầu tư DV Hoàng Huy	Ô tô và phụ tùng	8,220	6.9	14.2	14.2	291	85.8		
PNJ	Vàng Phú Nhuận	Hàng cá nhân & Gia dụng	91,700	0.2	2.5	6.6	74	144.1		
LPB	LienVietPostBank	Ngân hàng	17,900	1.4	2.6	13.7	67	141.9		

Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần										
Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	Giá đóng cửa	% thay đổi			Thống kê giao dịch			Xu hướng
				%1D	%1W	%YTD	% Thay đổi KLGD	Khối lượng giao dịch		
PHR	Cao su Phước Hòa	Hóa chất	54,000.0	5.5	12.1	8.7	9.4	54.00		
FPT	FPT Corp	Công nghệ Thông tin	99,900.0	4.4	5.0	4.0	4.5	99.90		
VGC	Tổng Công ty Viglacera	Xây dựng và Vật liệu	54,500.0	4.2	8.1	-0.7	5.6	54.50		
CTR	Công trình Viettel	Xây dựng và Vật liệu	94,500.0	3.5	3.2	2.9	2.7	94.50		
ELC	ELCOM	Công nghệ Thông tin	21,650.0	6.9	13.4	3.8	10.3	21.65		
CTI	Cường Thuận IDICO	Xây dựng và Vật liệu	16,400.0	6.5	8.6	6.5	8.5	16.40		
HHS	Đầu tư DV Hoàng Huy	Ô tô và phụ tùng	8,220.0	6.9	14.2	14.2	11.0	8.22		
JVC	Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật	Y tế	3,730.0	3.9	12.0	10.4	10.1	3.73		
SAM	SAM Holdings	Công nghệ Thông tin	6,470.0	2.7	2.2	-1.4	2.5	6.47		
MHC	CTCP MHC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7,880.0	-7.0	-13.1	-16.2	-12.6	7.88		

Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)					Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)			
Top bán ròng		Top mua ròng			Ngày	Mua	Bán	Mua-Bán ròng
(72.43)	VHM	PNJ	294.19		2/1/2024	5.7	0.8	4.9
(48.48)	VRE	HPG	61.32		1/31/2024	96.3	1.2	95.1
(48.05)	VIC	MWG	56.53		1/30/2024	1.8	2.1	-0.3
(46.58)	BID	CTG	17		1/29/2024	1.5	0.4	1.1
(31.40)	FUEVFNVD	VCI	16		1/26/2024	0.3	0.4	-0.1
(30.01)	LPB	KBC	15		1/25/2024	1.7	1.6	0.2
(27.02)	VPB	SSI	11		1/24/2024	0.3	0.1	0.1
(21.16)	GAS	SZC	11		1/23/2024	0.0	0.1	-0.1
(20.82)	GEX	VSC	11		1/22/2024	0.7	0.2	0.5
(20.52)	NKG	VCB	11		1/19/2024	0.1	0.3	-0.1
					1/18/2024	0.0	0.5	-0.5
					1/17/2024	0.1	0.1	0.0
					1/16/2024	0.7	0.0	0.6
					1/15/2024	0.2	0.9	-0.7
					1/12/2024	0.1	1.7	-1.7
					1/11/2024	0.1	0.1	0.0

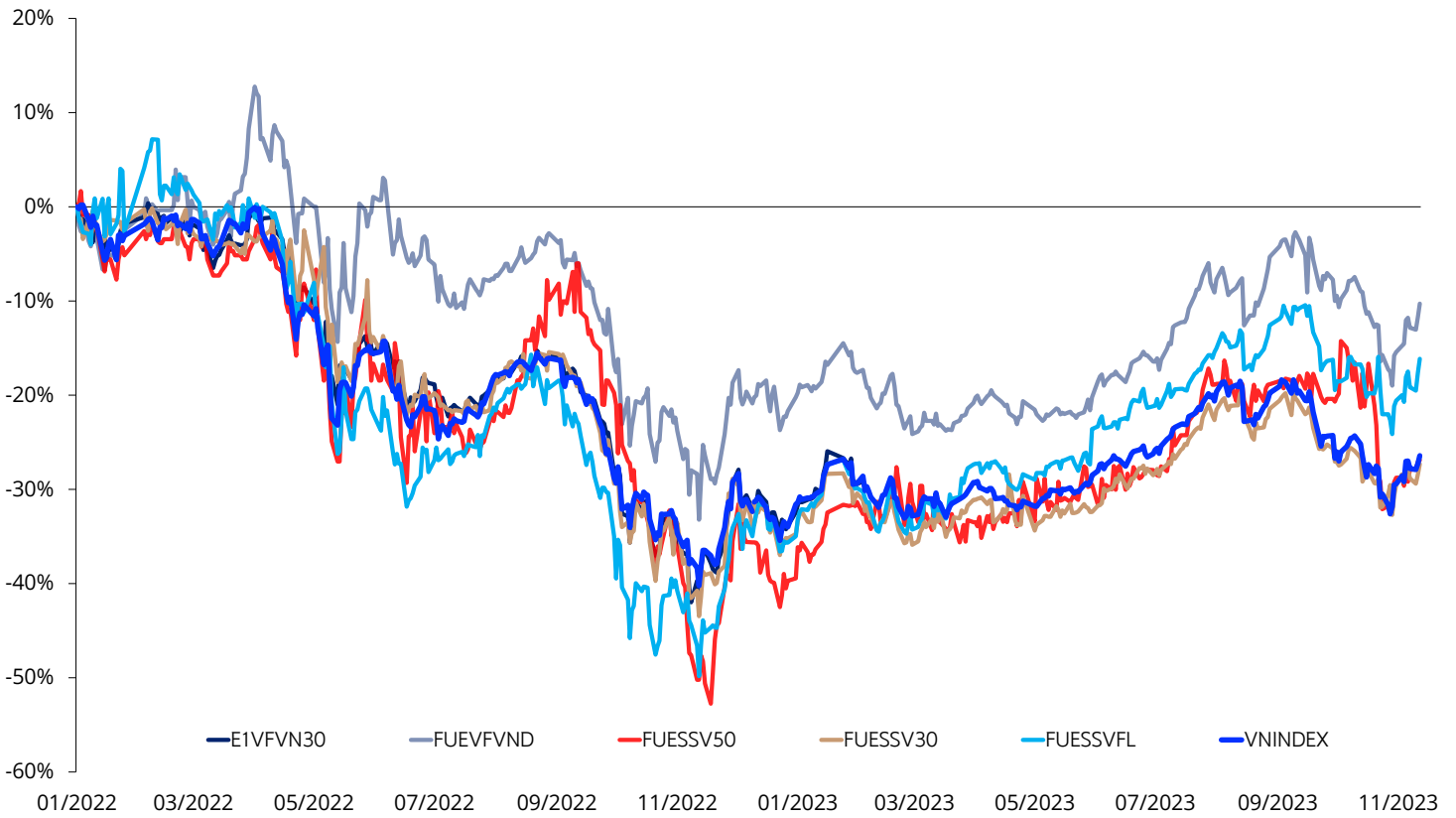
Nguồn: FiiPro

Chứng chỉ quỹ ETF

Thông kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Mã chứng chỉ quỹ	Giá (VND)	%1D	%1M	YTD	KLGD	GTGD (tỷ đồng)	Thanh khoản 20 phiên
1	DCVFMVN30 ETF Fund	E1VFN30	20,290	0.5%	4.4%	4.4%	1,344,500	27.2	
2	SSIAM VNX50 ETF	FUESSV50	16,920	-1.1%	1.3%	1.3%	13,900	0.2	
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	FUESSVFL	19,460	-0.1%	5.5%	5.5%	187,200	3.6	
4	DCVFMVN Diamond ETF	FUEVFNVD	27,300	0.6%	3.3%	3.3%	2,390,300	64.8	
5	VinaCapital VN100 ETF	FUEVN100	15,790	-0.7%	3.0%	3.0%	68,400	1.1	
6	SSIAM VN30 ETF	FUESSV30	14,400	0.0%	3.1%	3.1%	5,800	0.1	
7	MAFM VN30 ETF	FUEMAV30	13,950	0.6%	3.4%	3.4%	25,600	0.4	
8	IPAAM VN100 ETF	FUEIP100	8,090	0.5%	-3.9%	-3.9%	2,400	0.0	
9	KIM Growth VN30 ETF	FUEKIV30	7,690	-0.3%	2.5%	2.5%	4,300	0.0	
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	FUEDCMID	10,940	0.4%	0.4%	0.4%	8,100	0.1	
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	FUEKIVFS	11,300	0.0%	6.6%	6.6%	100	0.0	
12	MAFM VNDIAMOND ETF	FUEMAVND	11,480	1.4%	5.0%	5.0%	3,700	0.0	
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FUEFCV50	12,640	1.1%	-1.5%	-1.5%	5,000	0.1	

Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX



Thông kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Công ty quản lý	Ngày thành lập	Mô phỏng chỉ số	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng 1M (triệu USD)	Dòng vốn ròng 3M (triệu USD)	Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%)	Độ lệch chuẩn 1Y (%)	Beta	Lợi suất cổ tức (%)	PB (x)	PE (x)	Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%)
1	DCVFMVN30 ETF Fund	DCVFM	8/14/2014	VN30	324.1	1.0	15.2	9.6	22.9	1.0	2.35	1.6	11.0	60.8
2	SSIAM VNX50 ETF	SSIAM	12/15/2014	FUESSV50	6.7	-0.1	0.1	6.1	41.7	1.0	2.11	1.6	11.3	49.3
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	SSIAM	2/24/2020	VNFL	87.3	-12.6	-69.6	23.6	31.5	0.9	1.98	1.3	8.6	82.9
4	DCVFMVN Diamond ETF	DCVFM	5/12/2020	VND	701.9	-42.2	-85.9	15.1	27.0	0.9	2.36	1.7	10.5	83.1
5	VinaCapital VN100 ETF	Vinacapital	6/16/2020	VN100	n.a	0.0	0.0	11.4	24.7	0.9	2.15	1.6	12.2	42.7
6	SSIAM VN30 ETF	SSIAM	7/27/2020	VN30	6.1	0.0	0.1	9.1	28.9	0.9	2.19	1.6	10.9	61.4
7	MAFM VN30 ETF	MAFM	12/8/2020	VN30	n.a	-0.4	-0.5	8.6	23.5	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
8	IPAAM VN100 ETF	I.P.A	7/28/2021	VN100	1.8	0.0	0.0	5.2	27.3	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
9	KIM Growth VN30 ETF	KIM	1/6/2022	VN30TR	24.6	0.3	-0.7	7.1	33.5	0.9	2.20	1.6	10.9	61.9
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	DCVFM	9/29/2022	VNMidcap	10.1	1.4	2.6	26.2	33.4	1.2	1.92	1.6	16.6	44.4
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	KIM	11/3/2022	VNFS	12.8	0.0	0.0	21.9	23.1	1.0	2.10	1.3	8.5	68.6
12	MAFM VNDIAMOND ETF	MAFM	3/2/2023	VND	n.a	1.1	2.7	n.a	19.6	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FPT Fund	5/25/2023	VNX50	n.a	0.0	0.0	n.a	n.a	-0.3	n.a	n.a	n.a	n.a

Nguồn: Bloomberg

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongsongpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward,
Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.